

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

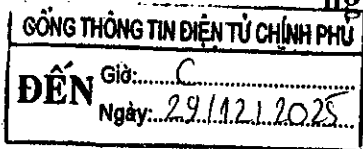
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2813 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình nâng cao năng lực cho các tổ chức
nghiên cứu và phát triển công lập giai đoạn 2025 - 2030**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 236/TTr-BKHCN ngày 17 tháng 11 năm 2025 và công văn số 7725/BKHCN-XNT ngày 16 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chương trình nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập giai đoạn 2025 - 2030” (sau đây viết tắt là Chương trình) với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Việc triển khai nâng cao năng lực được thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tới ngưỡng và không trùng lặp cho các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập (sau đây viết tắt là tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập) có năng lực nghiên cứu hàng đầu trên cơ sở phát huy các lĩnh vực có thế mạnh, có tiềm năng phát triển để tạo đột phá và gia tăng đóng góp có giá trị cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam.

2. Lấy kết quả và hiệu quả hoạt động của tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập làm cơ sở ưu tiên triển khai nâng cao năng lực. Việc triển khai nâng cao năng lực dựa trên: kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

khả năng tiếp nhận, triển khai đầu tư hiệu quả; mức độ kết nối với doanh nghiệp, địa phương, đối tác quốc tế; năng lực thương mại hóa, chuyển giao công nghệ và tư vấn chính sách.

3. Tập trung triển khai nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng có thể mạnh trong các lĩnh vực then chốt, công nghệ nền tảng, công nghệ chiến lược; đồng thời chú trọng triển khai nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn có năng lực tư vấn chính sách, đề xuất giải pháp phát triển bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế quốc gia.

4. Bảo đảm việc triển khai nâng cao năng lực cân đối, hài hòa giữa khoa học cơ bản, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập, xây dựng nền tảng khoa học và công nghệ vững chắc, tạo ra một số tổ chức nghiên cứu và phát triển hạt nhân làm động lực thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ. Qua đó tạo đột phá trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh quốc gia.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Mục tiêu:

Đến năm 2030, phát triển được một số tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, ngang tầm khu vực và thế giới trong một số lĩnh vực:

- Phát triển được 05 tổ chức nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực Toán học, Vật lý, Sinh học, Khoa học Vật liệu, Khoa học Trái đất nằm trong nhóm 30% tổ chức được xếp hạng cao nhất theo đánh giá của các tổ chức quốc tế uy tín như SCImago Institutions Rankings (SIR) hoặc tương đương.

- Phát triển được 07 - 10 tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật và công nghệ nằm trong nhóm 30% tổ chức được xếp hạng cao nhất theo đánh giá của các tổ chức quốc tế uy tín như SIR hoặc tương đương, đảm nhận được vai trò dẫn dắt trong nghiên cứu phục vụ phát triển công nghệ nền tảng, công nghệ chiến lược.

- Phát triển được 04 tổ chức nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn xuất sắc, giữ vai trò chủ chốt, làm nòng cốt cho việc nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch

định đường lối, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Trong đó có ít nhất 01 tổ chức được đánh giá ngang tầm khu vực và thế giới.

b) Chỉ tiêu cụ thể:

- Từ năm thứ hai triển khai nhiệm vụ, mỗi tổ chức được triển khai nâng cao năng lực hằng năm:

Thu hút tối thiểu 70 lượt chuyên gia và nhà khoa học uy tín trong khu vực và quốc tế tham gia hợp tác nghiên cứu, đào tạo, hội thảo và trao đổi học thuật;

Duy trì được 01 diễn đàn khoa học/hội thảo thường niên có uy tín tầm cỡ khu vực, quốc tế.

- Đến năm 2030, xây dựng và duy trì được đội ngũ nghiên cứu với ít nhất 30 nghiên cứu viên (không bao gồm viên chức nghiên cứu hưởng lương từ ngân sách nhà nước) gồm: người lao động theo hợp đồng làm công tác nghiên cứu, cộng tác viên khoa học và công nghệ (trực tiếp hoặc trực tuyến), nghiên cứu sinh, học viên cao học trong và ngoài nước, trong đó có tối thiểu 15% là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài.

- Đối với nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực Toán học, Vật lý, Sinh học, Khoa học Vật liệu, Khoa học Trái đất, mỗi tổ chức được triển khai nâng cao năng lực đạt được kết quả như sau:

Hằng năm, số lượng bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Web of Science/Scopus/Scimago Q1, Q2 của mỗi tổ chức tăng trung bình 15% - 20%. Tới năm 2030, hiệu suất công bố đạt tối thiểu 1,5 bài báo quốc tế uy tín/tiến sĩ/năm.

- Đối với lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ, mỗi viện nghiên cứu (hoặc tổ chức tương đương) được triển khai nâng cao năng lực đạt được các kết quả như sau:

Hằng năm, số lượng bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Web of Science/Scopus/Scimago Q1, Q2 của mỗi tổ chức tăng trung bình 12%. Tới năm 2030, hiệu suất công bố đạt tối thiểu 1,1 bài báo quốc tế uy tín/tiến sĩ/năm;

Có số lượng văn bằng bảo hộ sáng chế (bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích) tăng trung bình 15%/năm; đồng thời tăng dần số sáng chế được bảo hộ ở nước ngoài. Tới năm 2030, hiệu suất tạo ra bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng mới, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn đạt bình quân tối thiểu 0,2 văn bằng bảo hộ/tiến sĩ/năm;

100% tổ chức được triển khai nâng cao năng lực từ Chương trình làm chủ quy trình thiết kế, tích hợp để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh đối với công nghệ nền tảng, công nghệ chiến lược thuộc lĩnh vực chuyên môn;

Hàng năm có ít nhất 02 kết quả/sản phẩm khoa học và công nghệ được chuyển giao/ứng dụng vào thực tiễn.

- Đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, mỗi tổ chức được triển khai nâng cao năng lực đạt được kết quả như sau:

Hàng năm, cung cấp ít nhất 10 báo cáo tư vấn chính sách phục vụ công tác xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật hoặc giải pháp phát triển xã hội cho trung ương, địa phương, trong đó có tối thiểu 01 báo cáo được các cơ quan của Đảng và Nhà nước tham khảo, sử dụng làm luận cứ trong ban hành văn kiện, văn bản quy phạm pháp luật, chính sách hoặc 01 mô hình được triển khai thử nghiệm trong thực tiễn;

Hàng năm, số lượng công trình công bố quốc tế uy tín của mỗi tổ chức tăng trung bình 12% (bài báo khoa học, sách, chương sách xuất bản ở các tạp chí, nhà xuất bản quốc tế uy tín trong danh mục Web of Science/Scopus/Scimago); tới năm 2030, hiệu suất công bố đạt tối thiểu 1,0 bài báo quốc tế uy tín/tiến sĩ/năm.

III. ĐỐI TƯỢNG

1. Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm nghiên cứu.

2. Cơ sở giáo dục đại học công lập được thành lập theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học được xác định là đại học quốc gia, đại học trọng điểm về kỹ thuật và công nghệ theo Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Xây dựng một số tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển trở thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc ngang tầm khu vực và thế giới.

Phát triển thành các Trung tâm nghiên cứu xuất sắc trên nền tảng phát huy các lĩnh vực có thế mạnh, có tiềm năng của các tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập hàng đầu.

Triển khai nâng cao năng lực đồng bộ, tạo đột phá cả về phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các lĩnh vực ưu tiên cùng các hoạt động liên quan khác.

2. Phát triển đột phá hạ tầng khoa học và công nghệ

a) Xây dựng, nâng cấp phòng thí nghiệm chuyên ngành (ưu tiên các phòng thí nghiệm dùng chung theo tiêu chuẩn quốc tế).

b) Trang bị thiết bị nghiên cứu, máy móc chuyên sâu, hiện đại hóa hệ thống thí nghiệm, mô phỏng, phân tích dữ liệu trong các lĩnh vực phục vụ nghiên cứu về công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, nhiệm vụ trọng điểm.

c) Hệ thống điện toán hiệu năng cao (High Performance Computing) phục vụ bài toán tính toán phức tạp, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, mô hình hóa, dự báo chính sách, bài toán liên ngành.

d) Các nền tảng số phục vụ việc chia sẻ dữ liệu, kết nối nghiên cứu, hỗ trợ vận hành hiệu quả các hoạt động đổi mới sáng tạo, bảo đảm an toàn an ninh mạng; hệ thống thông tin, ứng dụng chuyển đổi số.

đ) Xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học chuyên ngành, kho học liệu mở để có khả năng kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

e) Xây dựng, nâng cấp thư viện số khoa học chuyên ngành.

3. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các lĩnh vực ưu tiên

a) Khoa học cơ bản: Toán học, Vật lý, Sinh học, Khoa học Vật liệu, Khoa học Trái đất phục vụ phát triển công nghệ nền tảng, công nghệ chiến lược.

b) Khoa học kỹ thuật và công nghệ: Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển (R&D) trọng điểm mang tính đột phá, gắn với công nghệ chiến lược: trí tuệ nhân tạo, bản sao số, thực tế ảo/thực tế tăng cường; điện toán đám mây, lượng tử, dữ liệu lớn; chuỗi khối (blockchain); mạng di động thế hệ sau (5G/6G); robot và tự động hóa; chip bán dẫn; y - sinh học tiên tiến; năng lượng, năng lượng nguyên tử, vật liệu tiên tiến; đất hiếm, đại dương, lòng đất; an ninh mạng; hàng không, vũ trụ.

c) Khoa học xã hội và nhân văn:

- Nghiên cứu về xây dựng chủ trương, đường lối phát triển đất nước, cung cấp luận cứ khoa học, chính sách, chiến lược thúc đẩy các đột phá chiến lược, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc; nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển mới, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức; nghiên cứu phục vụ xây dựng và ban hành chính sách, pháp luật, mô hình, quy trình, phương thức tổ chức, quản lý, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chiến lược khác;

- Nghiên cứu về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị truyền thống con người Việt Nam, hệ giá trị quốc gia, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc;

- Nghiên cứu liên ngành, đa ngành giữa khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn phục vụ giải quyết các vấn đề xã hội.

4. Triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ

a) Hỗ trợ xây dựng bộ phận chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, vườn ươm công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo trong tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập.

b) Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ giữa tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập với doanh nghiệp.

5. Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

a) Xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh.

b) Hỗ trợ xây dựng và phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế; tổ chức hội thảo quốc tế.

c) Thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, nhà khoa học xuất sắc có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhân tài, tổng công trình sư tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu, trao đổi học thuật, hội nghị, hội thảo, tham gia thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi Chương trình.

d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp nghiên cứu hiện đại trong và ngoài nước cho cán bộ nghiên cứu, quản lý khoa học, quản lý tổ chức nghiên cứu phát triển.

6. Truyền thông và lan tỏa kết quả thực hiện Chương trình

Tổ chức hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, kết quả triển khai các nhiệm vụ điển hình; tuyên truyền thúc đẩy đưa kết quả nghiên cứu, sản phẩm nghiên cứu vào đời sống góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) bố trí theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách hằng năm, trong phạm vi khả năng cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

2. Kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo dự toán ngân sách hằng năm.

3. Nguồn vốn từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED), Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF), quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Vốn hợp tác công tư (PPP) theo quy định của pháp luật.

5. Vốn viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện Chương trình

a) Đề xuất nhiệm vụ nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập:

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Đại học quốc gia (sau đây gọi chung là bộ, ngành) chủ động đánh giá năng lực tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập thuộc bộ/ngành, lựa chọn tổ chức dự kiến triển khai nâng cao năng lực, xây dựng đề xuất nhiệm vụ nâng cao năng lực cho các tổ chức này cho giai đoạn đến năm 2030 (sau đây gọi chung là nhiệm vụ nâng cao năng lực), thuyết minh nhiệm vụ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp. Việc đánh giá năng lực tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập, xây dựng thuyết minh nhiệm vụ nâng cao năng lực theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bộ, ngành đề xuất nhiệm vụ cần có cam kết về sản phẩm, kết quả đầu ra, hiệu quả triển khai nâng cao năng lực phù hợp với mục tiêu của Chương trình; bảo đảm không trùng lặp với các dự án, nhiệm vụ đã và đang triển khai.

Thời gian thực hiện: năm 2026 - 2027.

b) Tổng hợp, đề xuất phê duyệt nhiệm vụ nâng cao năng lực:

Căn cứ đề xuất nhiệm vụ nâng cao năng lực của các bộ, ngành, Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính cân đối, đề xuất bố trí ngân sách nhà nước hằng năm cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và các pháp luật có liên quan để thực hiện Chương trình, trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Thời gian thực hiện: năm 2026 - 2027.

c) Tổ chức triển khai:

Các bộ, ngành, căn cứ nội dung nhiệm vụ nâng cao năng lực và kinh phí được bố trí, tiến hành phê duyệt và tổ chức triển khai nhiệm vụ; tổ chức quản lý, triển khai hiệu quả nhiệm vụ theo đúng các quy định hiện hành.

Nhiệm vụ nâng cao năng lực được thực hiện theo nguồn vốn nào thì áp dụng cơ chế quản lý, trình tự, thủ tục đầu tư, cơ chế tài chính và các quy định pháp luật tương ứng đối với nguồn vốn đó.

Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026 - 2030.

d) Báo cáo, tổ chức kiểm tra thực hiện Chương trình:

Các bộ, ngành định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu gửi báo cáo đánh giá tiến độ, kết quả triển khai nhiệm vụ nâng cao năng lực theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ việc triển khai thực hiện Chương trình.

Thời gian thực hiện: Quý IV hằng năm hoặc đột xuất.

đ) Đánh giá hiệu quả trong và sau khi triển khai Chương trình:

Bộ Khoa học và Công nghệ theo dõi, định kỳ đánh giá mức độ hiệu quả, tác động của các nhiệm vụ nâng cao năng lực được triển khai. Việc đánh giá tập trung vào kết quả đạt được, chất lượng khoa học, hiệu quả thương mại hóa, tác động đến phát triển kinh tế - xã hội.

Đánh giá tác động của nhiệm vụ trong vòng 03 năm kể từ thời điểm kết thúc nhiệm vụ.

Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026 - 2030.

e) Hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý thực hiện Chương trình:

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan triển khai rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý, thực hiện Chương trình.

Thời gian thực hiện: năm 2025 - 2026.

g) Truyền thông và lan tỏa kết quả thực hiện Chương trình

Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành tổ chức triển khai truyền thông và lan tỏa kết quả thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan (tổ chức hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, kết quả triển khai nhiệm vụ điển hình; tuyên truyền thúc đẩy đưa kết quả nghiên cứu, sản phẩm nghiên cứu vào đời sống góp phần phát triển kinh tế - xã hội).

Thời gian thực hiện: giai đoạn 2025 - 2030.

2. Trách nhiệm của các bộ, ngành

a) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Xây dựng và ban hành Tiêu chí đánh giá năng lực của tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập để lựa chọn nâng cao năng lực; hướng dẫn xây dựng thuyết minh nhiệm vụ nâng cao năng lực;

- Căn cứ đề xuất nhiệm vụ nâng cao năng lực của các bộ, ngành, Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp gửi Bộ Tài chính để cân đối, bố trí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ;

- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn, kiểm tra công tác triển khai các nhiệm vụ nâng cao năng lực; báo cáo định kỳ hằng năm với Thủ tướng Chính phủ. Tổng kết, đánh giá kết quả của Chương trình vào năm 2030. Đánh giá tác động của nhiệm vụ trong vòng 03 năm kể từ thời điểm kết thúc nhiệm vụ;

- Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 236/TTr-BKHCN ngày 17 tháng 11 năm 2025 và công văn số 7725/BKHCN-XNT ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Bộ Tài chính:

Trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, Bộ Tài chính cân đối, đề xuất bố trí ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách, đầu tư công và các pháp luật có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ nâng cao năng lực.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình và tiêu chí đánh giá năng lực của tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập, tiến hành đánh giá, lựa chọn các tổ chức để triển khai nâng cao năng lực; chỉ đạo hoặc xây dựng các nhiệm vụ nâng cao năng lực cho các tổ chức; phê duyệt hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, đơn vị chủ trì thực hiện các nhiệm vụ.

- Quản lý, đôn đốc, kiểm tra đơn vị thực hiện nhiệm vụ nâng cao năng lực, định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả hoặc khi có yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung, tiến độ và cam kết kết quả đầu ra của nhiệm vụ nâng cao năng lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, TCCV, TH, PL;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 30

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Chí Dũng